

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Thu Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Doanh và ông Tạ Minh Tiếp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Giang - Thư ký TAND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

-Đại diện VKSND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bì Thị C, SN: 1989 (có mặt)

Bị đơn: Anh Chu Văn M, SN: 1984 (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Chu Đức D, sinh ngày 29/10/2014 (vắng mặt),
- Cháu Chu Thanh T, sinh ngày 04/02/2017 (vắng mặt),
- Cháu Chu Minh K, sinh ngày 14/10/2019 (vắng mặt).

Đều HKTT: Thôn C1, thị trấn V, huyện V, tỉnh H.

Người đại diện hợp pháp cho cháu D, cháu T, cháu K: anh Chu Văn M - là bố đẻ và chị Bì Thị C - là mẹ đẻ

Người làm chứng:

- Bà Tô Thị M, SN: 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Bì Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh M có thời gian mấy tháng tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V ngày 14/10/2013. Sau khi kết hôn, chị C chuyển khẩu về gia đình anh M và vợ chồng chị ở chung, ăn chung cùng gia đình bố mẹ chồng ở thôn C 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh H trong suốt thời gian chung sống. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng sáu năm, từ năm 2019 giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh M độc đoán gia trưởng, anh chửi bới xúc phạm mẹ đẻ, chị gái và chị, không tôn trọng ai. Chị và mọi người khuyên bảo nhưng anh bao biện tính anh nóng nảy, và không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được kéo dài đến năm 2022 thì trở nên trầm trọng, gần như ngày nào anh M cũng chửi xúc phạm chị và bố mẹ chị nặng nề. Ngày 01/9/2023 vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn anh M đánh đuổi chị, chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị và anh M không gặp gỡ, liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đã ly thân một thời gian dài, chị làm đơn xin ly hôn với anh M để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh M có 03 con chung là cháu Chu Đức D, sinh ngày 29/10/2014, cháu Chu Thanh T, sinh ngày 04/02/2017, Chu Minh K, sinh ngày 14/10/2019. Hiện các cháu đang ở cùng anh M. Nếu ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu K, giao anh M nuôi dưỡng cháu D đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị làm thuê ở Bát Tràng, thu nhập khoảng 9 triệu/tháng, công việc ổn định. Chị không có nhà đất riêng, hiện chị đang ở nhờ trên nhà đất của bố mẹ đẻ.

Về tài sản chung: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ, vợ chồng chị không vay nợ ai. Về đất nông nghiệp: Chị và anh M không có liên quan, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Vợ chồng chị ăn chung với bố mẹ chồng và có một thời gian chị chồng ăn chung, nhưng mọi người cùng đóng góp người ít, người nhiều, chị xác định vợ chồng không có liên quan về công sức với ai. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai bị đơn anh Chu Văn M trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng anh như chị C trình bày. Sau lễ cưới vợ chồng anh ở tại gia đình anh cùng bố mẹ anh và chị gái Chu Thị Y không đi lấy chồng. Vợ

chồng anh đều làm ruộng và làm thêm nghề tự do, ai thuê gì thì làm, mấy năm gần đây chị C đi làm ở Bát Tràng. Kinh tế gia đình không khá giả và phải nuôi 3 con ăn học nên mấy năm gần đây vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, xô xát cãi nhau. Anh đi làm công việc nặng về mệt và áp lực trong cuộc sống nên nhiều khi bức tức nói nặng lời với vợ thì chị C không nhịn còn cãi láo khiến anh không chấp nhận được, có đánh chửi chị C và chị C cũng chửi đánh lại anh. Từ ba năm nay vợ chồng anh cứ mâu thuẫn như vậy, không giải quyết được. Tháng 7/2023 (âm lịch) sau khi vợ chồng mâu thuẫn chị C bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Từ khi vợ chồng ly thân, anh và chị C không gặp gỡ, không liên lạc với nhau. Mặc dù chị C có nhiều lần cư xử không đúng với gia đình anh, nhưng nếu chị C xin lỗi gia đình anh vẫn chấp nhận cho chị C quay về, nếu chị C kiên quyết ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh và chị C có 03 con chung là cháu Chu Đức D, sinh ngày 29/10/2014, cháu Chu Thanh T, sinh ngày 04/02/2017, cháu Chu Minh K, sinh ngày 14/10/2019. Nếu ly hôn anh đề nghị được nuôi cả ba cháu đến khi các cháu trưởng thành, không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị C không đồng ý cho anh nuôi cả ba cháu, anh đồng ý để chị C nuôi ba cháu và cấp dưỡng nuôi con nếu chị C yêu cầu vì anh muốn các cháu được ở cùng nhau cho có anh có em.

Hiện anh làm ruộng và làm thêm tự do, thu nhập bình quân 4.000.000 đồng/tháng, ngoài ra anh không có thu nhập nào khác. Nhà đất bố con anh đang ở là của bố mẹ anh, chị gái anh không lấy chồng đang ở cùng với mẹ và bố con anh, chị vẫn hỗ trợ anh chăm sóc 3 cháu.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức, công nợ và đất nông nghiệp: Vợ chồng không có gì chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Chu Đức D và Chu Thanh - con chung của anh M và chị C trình bày: Mẹ cháu về nhà ông bà ngoại ở không ở cùng bố con cháu từ tháng 9/2023 đến nay. Trước khi mẹ cháu về nhà ông bà ngoại ở bố mẹ cháu hay xảy ra cãi nhau, có mấy lần đánh nhau hàng xóm phải can ngăn. Mẹ cháu không về nhà nhưng mẹ có đến trường thăm anh em cháu và cho đồ ăn. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với bố vì ở với mẹ không có ai chơi cùng, bố chăm sóc nuôi dưỡng anh em cháu tốt. Các cháu xin vắng mặt khi Tòa án hòa giải, xét xử vụ kiện của bố mẹ cháu.

Người làm chứng bà Tô Thị M trình bày: Bà là mẹ đẻ chị Bì Thị C. Chị C kết hôn hợp pháp với anh M năm 2013, sau khi được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vợ chồng chị C ở gia đình chồng, ăn chung cùng bố mẹ chồng và chị chồng không lập gia đình. Hai vợ chồng làm nghề tự do, chị C làm thuê tại Bát Tràng còn anh M ai thuê việc gì thì làm. Vợ chồng đều làm thuê, con còn nhỏ nên vợ chồng thỉnh

thoảng cãi nhau, đánh nhau. Anh M hay chửi bới lăng mạ chị, cảm đoán chị C về nhà bố mẹ khi có công việc. Tháng 9/2023, chị C bỏ về gia đình bà, bà có khuyên can chị nhưng chị bảo nếu bà không cho mẹ con chị ở thì chị đi thuê nhà trọ chứ chị không quay về sống cùng anh M. Anh M giữ 3 đứa con không chị thăm nom, chị phải thăm các cháu ở trường học. Nay chị C xin ly hôn, đây là quyền của chị, chị chung sống với anh M không hạnh phúc nên gia đình bà để chị tự quyết định việc ly hôn. Chị C và anh M có 3 con chung, cả 3 cháu đang ở cùng anh M. Đề nghị Tòa án xem xét giao cho chị C được nuôi con.

Kết quả xác minh tại thôn Công Luận 1 thể hiện: Anh M và chị C kết hôn hợp pháp tại UBND thị trấn V ngày 14/10/2013. Anh chị có 03 con chung là cháu Chu Đức D, sinh ngày 29/10/2014, cháu Chu Thanh T, sinh ngày 04/02/2017, Chu Minh K, sinh ngày 14/10/2019. Quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng anh M chị Ch xảy ra mâu thuẫn cãi nhau thường xuyên. Năm 2022 có 1 – 2 lần chính quyền thôn đến hòa giải mâu thuẫn vợ chồng cho anh chị nhưng không lập biên bản. Từ tháng 9/2023 không thấy chị C ở nhà anh M nữa, từ đó đến nay chị Chung không quay lại nhà anh M.

Quá trình giải quyết, Tòa án cũng đã tiến hành phiên hòa giải. Anh M và chị C xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên cùng đồng ý ly hôn. Nhưng vợ chồng không thống nhất được việc nuôi dưỡng con chung, vì vậy phải đưa vụ kiện ra xét xử.

Tại phiên toà:

Chị C giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh M. Về con chung chị đề nghị giao cho chị nuôi dưỡng cháu Chu Minh K, giao anh M nuôi dưỡng cháu Chu Đức D và cháu Chu Thanh T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về công sức, tài sản chung, công nợ và đất nông nghiệp chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh M đồng ý ly hôn chị C, anh không đồng ý giao chị C nuôi dưỡng cháu K, anh đề nghị HĐXX giao cho anh nuôi dưỡng cả ba con chung, anh không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con. Về công sức, tài sản chung, công nợ và đất nông nghiệp anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được HĐXX tiến hành đảm bảo đúng quy định.

Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không ký vào biên bản lấy lời khai là không chấp hành

đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người làm chứng chấp hành đúng quy định tại Điều 77, 78 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C xử cho chị C được ly hôn anh M.

Về con chung: Xử giao cháu Chu Minh K sinh ngày 14/10/2019 cho chị Bì Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Chu Đức D, sinh ngày 29/10/2014, cháu Chu Thanh T 04/02/2017 cho anh Chu Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về công sức, tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp: Hai bên chị C, anh M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024 /NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chị C tự nguyện nộp toàn bộ án ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị C về việc xin ly hôn anh Chu Văn M thường trú tại thôn C1, thị trấn V huyện V tỉnh H và xin được nuôi dưỡng con chung. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Văn Giang thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hôn nhân gia đình là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 74/KH quyền số 01/2013 của UBND thị trấn V đã xác định: Chị C và anh M đăng ký kết hôn ngày 14/10/2013 tại UBND thị trấn V việc kết hôn đảm bảo các điều kiện quy định của pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh M là hợp pháp được điều chỉnh bởi luật Hôn nhân và gia đình.

Chị C, anh M đều thừa nhận: Quá trình chung sống, anh chị có nhiều bất đồng không hòa hợp được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nhiều lần xảy ra xô xát. Từ tháng 9 năm 2023 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau, không thể đoàn tụ được. Điều này phù hợp với cung cấp của chính quyền thôn, lời khai cháu D, cháu T và bà M.

Xét thấy anh M chị C xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019 mâu thuẫn không giải quyết được kéo dài và ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2023 đến nay không liên lạc, không quan tâm, chăm sóc nhau. Chứng tỏ hôn nhân giữa anh chị không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị C xin được ly hôn với anh M, anh M đồng ý. HĐXX thấy nguyện vọng được ly hôn của anh chị là tự nguyện và có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên sẽ chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[3] Về con chung: Anh M, chị C có 03 con chung là cháu Chu Đức D, sinh ngày 29/10/2014, cháu Chu Thanh T, sinh ngày 04/02/2017, Chu Minh K, sinh ngày 14/10/2019.

Cả anh M và chị C đều có công việc, thu nhập, cả hai anh chị đều thương yêu, chăm sóc các con không ai có hành vi ảnh hưởng đến quyền lợi và sự phát triển của các con nên anh chị đều đủ điều kiện nuôi con.

Nguyện vọng nuôi con của anh M chị C là chính đáng, theo quy định của pháp luật việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con là quyền cũng đồng thời là nghĩa vụ của bố và mẹ. Do đó việc giao con cho bố và mẹ trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn, ngoài đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, phải đảm bảo để bố và mẹ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Xét thấy, hiện nay anh M đang ở cùng mẹ và chị gái anh M, anh M cũng xác nhận, khi còn chung sống cùng chị C kinh tế gia đình không dư dả nên nuôi ba cháu ăn học là áp lực cho anh chị dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Cháu D, cháu T có nguyện vọng được ở cùng với anh M, cháu K còn nhỏ chưa thể tự chăm sóc cho bản thân cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy sẽ giao anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D, cháu T; giao chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, đảm bảo các cháu được chăm sóc tốt nhất và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của anh M, chị C không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về công sức, tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp: Chị C và anh M cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đưa ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 229 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024 /NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Xử

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Bì Thị C và anh Chu Văn M.

2. *Về con chung:* Xử giao chị Bì Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Chu Minh K, sinh ngày 14/10/2019, giao anh Chu Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Chu Đức D, sinh ngày 29/10/2014, cháu Chu Thanh T đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của anh M, chị C không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, anh M, chị C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con của cha mẹ đang trực tiếp nuôi thì người đó có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên gây ảnh hưởng.

3. *Về công sức, tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp:* Anh Chu Văn M, chị Bì Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí :* Chị Bì Thị C tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001389 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, trả lại chị Chung 150.000 đồng.

5. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Vũ Thu Giang